

VĂN HỌC QUẢNG NAM TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI VĂN HỌC NAM TRUNG BỘ

Nguyễn Thị Thu Trang*

Trường Đại học Phú Yên

Ngày nhận bài: 28/9/2019; Ngày nhận đăng: 10/02/2020

Tóm tắt

Quảng Nam là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam. Trong mối liên hệ về lịch sử - địa lý - văn hóa, văn học Quảng Nam có những điểm tương đồng và khác biệt với các địa phương khác trong khu vực. Bài viết này là cái nhìn khái lược về sự phát triển, thành tựu, đặc điểm của văn học Quảng Nam trong mối tương quan chung với văn học Nam Trung Bộ.

Từ khóa: Văn học Quảng Nam, văn học Nam Trung Bộ, tương quan.

1. Mở đầu

Quảng Nam là tỉnh có vị trí ở giữa dải đất duyên hải miền Trung. Trong tám tỉnh, thành vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Quảng Nam có diện tích lớn nhất, có hai thành phố, hai di sản văn hóa thế giới. Quảng Nam cũng là một trong Ngũ Quảng (bao gồm *Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Ngãi* - Quảng Đức là tên của Thừa Thiên-Huế thời Gia Long). Cũng như các địa phương khác của vùng Nam Trung Bộ, lịch sử Quảng Nam gắn liền với quá trình Nam tiến của người Việt, bắt đầu từ cuộc hôn nhân của công chúa Huyền Trân đời Trần vào năm 1306 (Địa danh Quảng Nam cũng được giải thích là mở rộng về phía Nam). Đến đầu thế kỷ XVII, khi phủ Phú Yên (tỉnh ở giữa vùng duyên hải Nam Trung Bộ) được chính thức thành lập (1611), thì Quảng Nam đã ổn định và phát triển trong khi vùng Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận vẫn thuộc vương quốc Chăm-pa. Và khi tỉnh cuối cùng của vùng duyên hải Nam Trung Bộ là Bình Thuận thuộc về Đại Việt (cuối thế kỷ XVII), thì Quảng Nam đã là nơi giao

thương, buôn bán sầm uất với cả trong và ngoài nước.

Trải qua một chặng đường dài, gắn với nhiều đoạn thăng trầm, nhiều biến cố của lịch sử, văn học Quảng Nam đã phản ánh rõ các đặc điểm của địa phương, trong mối liên hệ không thể tách rời với văn học, văn hóa vùng miền và văn học nước nhà.

2. Nội dung

2.1. Quá trình phát triển

Văn học Quảng Nam bao gồm hai bộ phận văn học dân gian và văn học viết. Cũng như các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, trong văn học dân gian bao gồm nhiều thể loại khác nhau, ca dao là thể loại phát triển phong phú, nổi trội nhất. Khi phân tích câu ca dao Quảng Nam: “*Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng/ Thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi/ Thương cha, nhớ mẹ thì về/ Nhược bằng thương kiếng nhớ quê thì đừng*”, nhà nghiên cứu Bùi Văn Tiếng [2] đã nhận xét hành động thường xuyên quan sát xung quanh, tâm trạng nhớ nhung cội nguồn, quê kiếng đó là đặc điểm của những lưu dân. Vì khi vùng đất Quảng Nam được người Việt tiếp nhận, những cư dân Việt đầu tiên là các lưu dân từ vùng ngoài đã

* Email: trangdhpy@gmail.com

vào đây mưu sinh, lập nghiệp. Làn sóng di dân từ phía ngoài vào trong cũng nối tiếp như vậy tại các địa phương lân cận phía Nam. Năm 1597, khi Phù Nghĩa Hầu Lương Văn Chánh vâng lệnh chúa Nguyễn Hoàng vào khai khẩn vùng đất phía Nam đèo Cù Mông (Phú Yên ngày nay), thì trong đoàn lưu dân đó, có những người Việt từ Quảng Nam. Thống kê các câu ca dao sưu tầm được trên vùng đất Phú Yên, chúng tôi thấy những câu bắt đầu bằng cụm từ “Ngó ra...”, “Ngó vô...”, “Ngó lên...”, “Ngó xuống...” chiếm tỷ lệ rất lớn (khoảng 12%). Hiện tượng này cũng có thể hiện, nhưng mức độ phổ biến khác nhau trong ca dao các địa phương lân cận. Ngoài đặc điểm truyền miệng và tính chất dị bản của văn học dân gian, có thể giải thích, cắt nghĩa rằng những câu ca dao cũng như văn học dân gian của vùng đất Quảng Nam và vùng duyên hải Nam Trung Bộ nói chung đã phản ánh rõ cuộc sống, tâm trạng của những lưu dân ngày xưa trên con đường Nam tiến của người Việt. Trong bài *Về các lái* (Hát vô và hát ra), được coi là cảm nang đi biển của các ngư dân miền Trung ngày xưa, những đoạn mô tả cửa biển, địa hình dọc bờ biển Nam Trung Bộ từ Đà Nẵng vô đến Bình Thuận đều rất chi tiết, sống động.

Về văn học viết, nếu nhìn bao quát cả miền Trung và riêng vùng Nam Trung Bộ, có thể thấy rõ văn học người Việt vùng Bắc Trung Bộ (vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh và Bình – Trị – Thiên) đi trước và phát triển hưng thịnh sớm hơn vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Có thể kể đến những dấu mốc hay gương mặt văn chương quan trọng trong lịch sử nước nhà xuất thân từ vùng Bắc Trung Bộ. Như vua Lê Thánh Tông (cháu nội của Lê Lợi), là nhà thơ lớn, nguyên soái của Hội Tao Đàn (Hội nhà văn đầu tiên của Việt Nam) quê gốc Thanh Hóa. Nghệ An – Hà Tĩnh là vùng đất sản

sinh ra nhiều nhà thơ, nhà văn lớn, tiêu biểu như Hồ Xuân Hương, xuất hiện cuối thế kỷ XVIII, nhưng được mệnh danh là “*Bà Chúa Thơ Nôm*” của văn học trung đại...

Tuy nhiên, trong các địa phương của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, văn học Quảng Nam vẫn phát triển sớm hơn và nổi trội. Bắt đầu từ thế kỷ XIX, khi các phong trào đấu tranh chống Pháp bùng nổ là lúc văn học Quảng Nam hình thành giai đoạn nền tảng với những sáng tác của các lãnh tụ và trí thức yêu nước nổi tiếng như Phạm Phú Thứ, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân... Có thể khẳng định trong giai đoạn chuyển tiếp từ trung đại sang hiện đại vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX (một số nhà nghiên cứu gọi đây là thời kỳ cận hiện đại), văn học Quảng Nam đã có nhiều thành tích. Làm sôi nổi diễn đàn văn chương trong mấy thập niên không phải chỉ là tên tuổi của những nhà văn, nhà thơ, mà chính là sáng tác của họ đã có sức lay động, đánh thức lòng yêu nước, ý thức dân tộc của nhiều người. Những bài thơ như *Đập đá ở Côn Lôn* của Phan Chu Trinh, *Côn Lôn cảm tác* của Trần Cao Vân, *Khóc ông Trần Quý Cáp* của Huỳnh Thúc Kháng... thực sự là những áng văn lớn của các bậc đại trí, đại nhân, đại nghĩa. Trong khi đó, văn học viết của các tỉnh phía Nam như Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận đều bắt đầu từ giai đoạn sau (khoảng gần giữa thế kỷ XX).

Suốt thế kỷ XX, văn học cả nước phát triển và trải qua nhiều biến cố, nhiều thay đổi, Quảng Nam vẫn luôn là một địa chỉ văn học nổi tiếng của cả nước. Trong tuyển tập *Thơ miền Trung thế kỷ XX* (tính chung 14 tỉnh, thành) có 309 nhà thơ được chọn thì có hơn 40 nhà thơ là người Quảng Nam (chiếm 13%). Trong tuyển tập *Văn miền Trung thế kỷ XX* (Tập 1 có 65 tác giả,

tập 2 có 56 tác giả – không tính các nhà văn sinh quán nơi khác đã viết về miền Trung), có 29 tác giả người Quảng Nam (tỷ lệ 23%). Con số này chỉ là sự ước lượng và định tính, nhưng cũng góp phần xác minh cụ thể sự phát triển của văn chương vùng đất Quảng Nam, không hề thua kém so với các trung tâm “chữ nghĩa” của cả nước như Nghệ An, Hà Tĩnh hay Huế.

Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, văn học Việt Nam thay đổi từ giai đoạn trung đại sang hiện đại vì tác động của văn hóa phương Tây và nhờ tài năng của những trí thức trẻ. Đầu thập niên 30, hai cuộc Cách mạng văn chương lớn là *Phong trào Thơ Mới* và tiểu thuyết *Tự lực văn đoàn* đã thúc đẩy văn học phát triển với tốc độ nhanh và đạt thành tựu lớn chưa từng có. Thời kỳ này, Bình Định được xem là một điểm nhấn quan trọng của Phong trào Thơ Mới, khi hội tụ về đây nhiều tên tuổi tên như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Quách Tấn, Yên Lan, Bích Khê... Nhóm thơ Bình Định hay còn gọi *Trường Thơ Loạn/ Trường Thơ Điện* Bình Định đã làm nên kỳ tích xứng đáng được ca ngợi. Tuy nhiên, nhóm thơ Bình Định hoạt động chủ yếu ở giai đoạn sau của Phong trào Thơ Mới, còn người nổ phát súng đầu tiên, cầm cờ đi tiên phong kêu gọi đổi mới thơ ca, chuyển thơ Việt Nam từ trung đại sang hiện đại, không ai khác chính là học giả Phan Khôi, người con sinh ra tại vùng đất Điện Bàn, Quảng Nam. Khi bài báo “*Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ*” đăng trên tờ *Phụ nữ tân văn* số 122 ra ngày 10 tháng 3 năm 1932, cùng với bài thơ *Tình già* được viết theo thể tự do, Phan Khôi đã dấy lên cuộc Cách mạng thể loại cho thơ, thay cho các qui cách khắt khe của thơ cổ, ông hô hào và đề xuất lối thơ tự do và minh họa bằng bài thơ *Tình già*, mà từ cách đặt nhan đề, đến nội dung thể hiện và hình thức bài thơ đều

có sự cách tân táo bạo. Tuy nhiên, đằng sau vấn đề kêu gọi cải cách thể loại là tư tưởng đổi mới quan niệm sáng tác và thưởng thức nghệ thuật. Cuộc tranh đấu cho Thơ Mới cuối cùng thắng lợi và chữ “*Thơ Mới*” hay “*Phong trào Thơ Mới*” bắt nguồn từ bài báo của Phan Khôi, một nhà Cách mạng văn hóa đồng thời là học giả lớn xứ Quảng. Trong lịch sử văn học Việt Nam, chưa có cuộc Cách mạng văn chương nào diễn ra sôi nổi, đầy cảm hứng và thắng lợi triệt để, hoàn hảo như cuộc Cách mạng Thơ Mới.

Về văn xuôi, Quảng Nam tự hào vì giai đoạn này có các nhà văn trụ cột của nhóm Tự lực văn đoàn như Nhất Linh, Thạch Lam, Hoàng Đạo. Dòng họ Nguyễn Tường (Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long, Nguyễn Tường Lân) là những người quê gốc Hội An, Quảng Nam. Từ hoạt động của nhóm Tự lực văn đoàn và những sản phẩm nghệ thuật của họ, có thể khẳng định vai trò không thể thiếu của Nhất Linh và nhóm Tự lực văn đoàn trong quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam. Ngay cả Xuân Diệu – ngôi sao sáng trên bầu trời thi ca Việt Nam, đại diện xuất sắc của Phong trào Thơ Mới cũng là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn. Vai trò lãnh xướng của Nhất Linh cùng với khát vọng đổi mới văn chương – nghệ thuật nước nhà của ông không chỉ giới hạn trong lĩnh vực cách tân thể loại tiểu thuyết, mà còn đa dạng hóa các thể loại văn học, chú ý đến đối tượng tiếp nhận là người đọc, phát triển báo chí làm công cụ, phương tiện để phát triển văn học và truyền cảm hứng cho những người mới bắt đầu và đang sáng tác. Rất nhiều tài danh như Nguyễn Bính, Tế Hanh, Anh Thơ... đều phát triển sự nghiệp văn chương từ công lao uơm mầm, vun xới của nhóm Tự lực văn đoàn. Giải thưởng *Tự lực văn đoàn* một thời là giải thưởng danh giá nhất đối với các nhà văn giai đoạn trước 1945. Cũng

bắt đầu sáng tác vào năm 1939 (giai đoạn 1930 – 1945), nhưng nhà văn Nguyễn Văn Xuân không thuộc khuynh hướng lãng mạn như các cây bút Tự lực văn đoàn. Ông sáng tác chủ yếu giai đoạn sau 1945. Nguyễn Văn Xuân viết nhiều, bao gồm nhiều thể loại văn xuôi khác nhau, nổi tiếng với những tác phẩm như: *Bão Rừng* (tiểu thuyết), *Dịch cát* (tập truyện ngắn), *Hương máu* (tập truyện ngắn), *Phong trào Duy Tân*, *Khi những lưu dân trở lại* (biên khảo)... Nguyễn Văn Xuân được đánh giá là một học giả uyên thâm, một nhà “*Quảng Nam học*”.

Giai đoạn nửa sau thế kỷ XX, nhất là từ 1954, Quảng Nam cũng như các tỉnh vùng duyên hải Nam Trung Bộ thuộc phần kiểm soát của chính quyền Sài Gòn. Văn chương cũng có số phận phân ly như đất nước. Trong số các nhà thơ, nhà văn hoạt động ở vùng giải phóng hoặc tham gia sáng tác ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, có Nguyễn Văn Bông, Phan Tứ, Nguyễn Ngọc, Thu Bồn, Võ Quảng, Nguyễn Thành Long, Khương Hữu Dụng, Ý Nhi, Trinh Đường, Chu Cẩm Phong... là những nhà văn, nhà thơ xứ Quảng luôn được bạn đọc cả nước ngưỡng mộ, tìm đọc. Ở miền Nam, Bùi Giáng là một hiện tượng lạ, độc đáo của văn chương giai đoạn trước 1975. Cho đến nay, thơ Bùi Giáng vẫn thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, của bạn đọc nhiều thế hệ. Ngoài Bùi Giáng, còn có Phan Du, Vũ Hạnh, Xuân Tùng, Tường Linh... và một số cây bút khác.

Có thể khẳng định giai đoạn nửa sau thế kỷ XX, dù Quảng Nam cũng như các tỉnh phía Bắc vùng duyên hải Nam Trung Bộ là nơi chiến tranh ác liệt nhất nhưng văn chương vẫn phát triển và tỏ rõ bản lĩnh, tài năng con người. Ở vùng giải phóng phía Tây Quảng Nam, từ tháng 5

năm 1961, khi nhà văn Phan Tứ từ miền Bắc trở về phụ trách Ban Tuyên huấn Khu ủy Khu V, rồi năm 1962, nhà văn Nguyễn Ngọc cũng trở về đây, làm chủ tịch Chi hội Văn nghệ giải phóng Trung Trung Bộ, phụ trách Tạp chí *Văn nghệ Giải phóng* của Quân khu V, thì hoạt động sáng tác và tuyên truyền khởi sắc và phát triển sôi nổi hơn bao giờ hết. Nhiều nhà văn từ các địa phương khác đến công tác và tham gia viết tại đây, như nhà thơ Nguyễn Mỹ, Liên Nam, Thanh Quế (quê Phú Yên), Cao Duy Thảo (Bình Định), Dương Hương Ly, Dương Thị Xuân Quý (từ Hà Nội, quê gốc Hưng Yên)... Nhiều bài thơ hay của họ đã ra đời tại đây. Cho tới nay, sự hy sinh cao cả và bi hùng của các nhà văn, nhà thơ như Dương Thị Xuân Quý, Nguyễn Mỹ tại vùng đất lửa Quảng Nam vào những năm 60, 70 vẫn còn ám ảnh người đọc và văn chương thời chiến tranh.

Ở vùng đô thị, Vũ Hạnh được xếp loại là nhà văn “*thân Cộng*”. Những tác phẩm của ông được đăng trên Tạp chí *Bách Khoa* và in thành sách được nhiều người đọc yêu thích. Vũ Hạnh đã cùng với một số tác giả làm nên dòng văn học đấu tranh chống Mỹ, chống chính quyền Sài Gòn rất sôi nổi trong giai đoạn 1954 – 1975. Ngoài Vũ Hạnh, còn có Phan Du, Phan Trúơc Viên, Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Nho Sa Mạc, Tường Linh và một số cây bút trẻ quê gốc Quảng Nam đã tham gia viết văn, làm báo ở miền Nam. Miền Trung trong thời kỳ chiến tranh là nơi loạn lạc, ly tán, nên các nhà văn, nhà thơ hầu hết tập trung về Sài Gòn và các thành phố lớn khác. Trong số những nhà văn lấy đặc trưng văn hóa, bản sắc địa phương làm đề tài và cảm hứng sáng tác có nhà văn Xuân Tùng. Khi tập truyện ngắn *Tiếng phèng la* của Xuân Tùng được nhà xuất bản *Lá Bối* phát hành năm 1973, nhiều người rất ngạc nhiên và thú vị

vì những nét đặc sắc của vùng đất và người dân xứ Quảng được thể hiện rất hồn nhiên, rất mộc.

Giai đoạn sau 1975, Quảng Nam kế thừa được thành tựu của giai đoạn trước nên vẫn phát triển. Ngoài các tác giả đã sáng tác giai đoạn trước 1975 tiếp tục cầm bút, còn có sự góp mặt của những người trẻ. Hội Văn học – Nghệ thuật Quảng Nam cũng như các Hội Văn nghệ khác đã làm tốt nhiệm vụ tập hợp những người viết và động viên các phong trào quần chúng sáng tác. Hiện nay, Nguyễn Nhật Ánh là nhà văn tiêu biểu không chỉ của Quảng Nam mà của cả nước và khu vực Đông Nam Á vì có số lượng sách bán chạy nhất và sách được xuất bản, tái bản nhiều nhất. Vài thập niên gần đây, Nguyễn Nhật Ánh là cái tên bảo chứng cho các hiệu sách và các nhà xuất bản, dù nhà văn trước sau vẫn chung thủy với đề tài tuổi học trò, gia đình, bạn bè. Nguyễn Nhật Ánh sống và sáng tác tại Sài Gòn, nhưng trong truyện của ông, nhiều người vẫn nhận ra hình ảnh xứ Quảng và tuổi thơ có nhiều kỷ niệm của nhà văn. Một số nhà văn, nhà nghiên cứu văn học gốc Quảng Nam đang hoạt động sôi nổi và đóng góp rất nhiều cho lịch sử văn học nước nhà như Nguyễn Q. Thắng, Vu Gia... Nhiều người cho rằng chính họ là những người đang làm văn hóa xứ Quảng lan tỏa mạnh mẽ.

2.2. Đặc điểm và thành tựu

Đặc điểm đầu tiên của văn học Quảng Nam là gắn với lịch sử, nhất là quá trình Nam tiến của người Việt. Thứ hai là văn học Quảng Nam rất mạnh ở vai trò tiên phong, kiến tạo mới. Thứ ba, cả hai giai đoạn trước và sau 1945, văn xuôi và thơ của các tác giả Quảng Nam đều phát triển vượt trội.

Ở đặc điểm văn học gắn với lịch sử, văn học Quảng Nam thể hiện cụ thể ở cả

hai bộ phận: Văn học dân gian và văn học viết. Truyện và thơ ca dân gian gắn bó và phản ánh tâm tình các lưu dân xa xứ; Về văn học viết: Các tác giả ở giai đoạn đầu (thế kỷ XIX) là những lãnh tụ, những trí thức yêu nước. Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều nhà văn, nhà thơ Quảng Nam là người lính đứng với cả nghĩa đen và nghĩa bóng; tác phẩm văn học Quảng Nam vì vậy thể hiện đậm nét các biến cố lịch sử hào hùng và tinh thần chiến đấu của người dân.

Đặc điểm nổi trội của văn học Quảng Nam là tính chất tiên phong, thể hiện khí phách mà cũng là cá tính của người dân xứ Quảng. Ngoài vai trò Phan Khôi mở đầu cho cuộc Cách mạng Thơ Mới và anh em nhà Nhất Linh với nhóm *Tự lực văn đoàn*, chúng ta không thể quên vai trò của nhà văn Nguyên Ngọc trong việc phản ánh và ca ngợi tinh thần yêu nước, chiến đấu của đồng bào Tây Nguyên. Ông cũng là người có công lớn trong việc đổi mới văn học nước nhà giai đoạn từ sau 1986, nhất là ở cương vị Tổng Biên tập báo *Văn Nghệ* (tờ báo nổi tiếng nhất giai đoạn này). Tiểu thuyết *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc là một trong những tiểu thuyết thành công đầu tiên của giai đoạn 1945 -1954. Khi tác phẩm ra đời, lần đầu tiên, độc giả miền Bắc cảm nhận được vùng núi Trường Sơn hoang dã mà thơ mộng và những chủ nhân người Ba-na, Ê-đê của vùng rừng núi ấy anh hùng mà hiền lành, thú vị như thế nào. Sau *Đất nước đứng lên*, truyện ngắn *Rừng Xà-nu* của Nguyên Ngọc tiếp tục khai thác đề tài miền núi, một lần nữa đã thể hiện được khả năng và bản lĩnh của nhà văn Nguyên Ngọc. Thời chống Mỹ, tùy bút *Đường chúng ta đi* của ông được các chiến sĩ “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*” coi như cẩm nang tinh thần của mình. Đóng góp mới của Nguyên Ngọc trong văn học kháng chiến, không chỉ về đề

tài miền núi hay thể loại, mà chính là vẻ đẹp lãng mạn của nhân vật sử thi và cảm hứng yêu nước nồng nàn từ tác phẩm đã truyền lửa cho người đọc. Đến nay, đọc lại *Rừng Xà-nu*, vẫn thấy xúc động với hình tượng nhân vật T'nú can trường, từ khúc dạo đầu với hình ảnh cây xà nu, đến các chi tiết trong câu chuyện cụ Mết và nhất là đến đoạn cao trào khi T'nú với mười ngón tay tằm nhựa xà-nu cháy rừng rực.

Trước Nguyễn Ngọc, Nguyễn Văn Bông với tiểu thuyết *Con trâu* (1952) cũng được khen ngợi là một trong những tác phẩm viết theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa với đề tài nông dân và kháng chiến thành công. Về thơ, trường ca *Bài ca chim Chơ Ráo* của nhà thơ Thu Bồn ngay sau khi ra đời đã gây tiếng vang mạnh mẽ trong cả nước. Thu Bồn sinh ra tại Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam, đi bộ đội từ năm 11 tuổi. Cuộc đời ông gắn với bom đạn chiến tranh và gắn với văn chương. Thu Bồn viết trường ca *Bài ca chim Chơ Ráo* ở chiến trường Nam Trung Bộ, tác phẩm được in ở miền Bắc năm 1962. Đây cũng là một trong những tác phẩm gửi từ miền Nam ra sớm và là bản trường ca đầu tiên của văn học giải phóng. Tuy nhiên vấn đề quan trọng là người đọc bị hấp dẫn bởi cách xử lý hình tượng nhân vật, ngôn ngữ sử thi hào sảng bay bổng, tinh tế và bối cảnh rừng núi Tây Nguyên đan xen với biển cả, đồng bằng được thể hiện rất khéo léo, sinh động. Về sau, những trường ca của Hữu Thỉnh, Thanh Thảo ra đời thường được người đọc so sánh, nhắc lại tác phẩm một thời vang bóng của Thu Bồn. Thể trường ca viết rất khó và khó hay, nhưng trong lịch sử văn chương nước nhà, Thu Bồn là người đã điếm một dấu son quan trọng đối với thể loại này.

Trong văn học giai đoạn 1954-1975 ở vùng đô thị miền Nam, nhà thơ Bùi

Giáng đứng riêng một cõi và cho tới nay vẫn không bị trùng lẫn với bất kỳ ai. Đôi khi, người ta chỉ tò mò về hành vi, biểu hiện bất thường của Bùi Giáng, nhưng ông xứng đáng được xem là một trong những nhà thơ lớn nhất của Việt Nam. Bùi Giáng quê ở Duy Xuyên, Quảng Nam. Ông không chỉ viết văn, làm thơ, mà còn là dịch giả, giáo sư dạy Triết, nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng giai đoạn trước 1975. Nhận xét về Bùi Giáng, *Từ điển văn học* (Bộ mới) viết:

“Bùi Giáng đã tái dựng lục bát trong bối cảnh mới của thời đại hiện sinh. Nguồn thơ của ông phát tiết trong khoảng thời gian ngắn, chỉ hai năm 1962-1963 đã có tới 6 tập thơ... Chuyện hạ bút thành thơ của ông được xác định như một hiện tượng độc đáo [...]. Nhưng dù sao chăng nữa, ông cũng tạo được một mẫu ngông thời đại, sáng tạo một kiểu say sưa, chán đời của thế kỷ 20, khác với Nguyễn Khuyến trong thế kỷ 19, hoặc Tản Đà ở đầu thế kỷ 20” [1; tr163].

Có lẽ kiểu “ngông” tài hoa hay sự khác người của Bùi Giáng còn xuất phát từ những tư tưởng hiện sinh mới lạ của phương Tây mà ông tiếp nhận, cộng với bối cảnh thời đại đầy xáo trộn, bất an khiến tâm tình ông khó dung hòa. Khi tập thơ *Mưa nguồn* của Bùi Giáng xuất hiện, người ta ngạc nhiên vì cách làm thơ lục bát đầy ngẫu hứng, như “*giỡn chơi*”, lăm lăm mà mới mẻ, độc đáo của ông. Có thể khẳng định sau *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, sau thời kỳ đỉnh cao của Thơ Mới, trong giai đoạn thơ 1954 - 1975, Bùi Giáng là một trong số ít người đã có công cách tân thể lục bát của dân tộc lên một bước tiến mới. Cách viết phê bình văn học của Bùi Giáng về những tác phẩm văn học trung đại như *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, thơ Hồ Xuân Hương... cũng khác lạ, nhưng đến nay vẫn còn giá trị.

Vũ Hạnh cũng là một hiện tượng đặc biệt của văn học miền Nam giai đoạn 1954 - 1975. Ông là người theo Cộng sản, nhưng sống và viết dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Nhiều lần bị bắt, bị gây khó, nhưng ông vẫn viết, vẫn lòng ghép trong tác phẩm các nội dung tuyên truyền yêu nước, kêu gọi đấu tranh chống Mỹ. Những tác phẩm của Vũ Hạnh như *Mùa xuân trên đỉnh non cao*, *Chất ngọc*, *Bút máu*, *Người Việt cao quý...* ngay khi ra đời đã gây sự chú ý cho người đọc. Trước đây, nhiều người vẫn nhắc tới ba nhà văn họ Võ của Tạp chí *Bách Khoa* là Vũ Hạnh, Võ Hồng và Võ Phiến. Ba người, ba miền quê, với cách viết và mục tiêu khác nhau, nhưng đều là những nhà văn tiêu biểu. Vũ Hạnh là người Quảng Nam, Võ Phiến là người Bình Định, còn nhà văn Võ Hồng quê ở Tuy An, Phú Yên. Trong ba người, chỉ có Võ Hồng làm nghề dạy học, sống tại Nha Trang, tham gia viết văn và cộng tác với các báo, còn Võ Phiến và Vũ Hạnh làm việc chung trong Toà soạn báo tại Sài Gòn, nhưng trái ngược nhau về quan điểm tư tưởng. Nếu Vũ Hạnh “*thân Cộng*” nên quyết liệt đấu tranh chống Mỹ, chống chế độ Sài Gòn, thì Võ Phiến lại ra sức “*chống Cộng*”. Hoạt động sáng tác của Vũ Hạnh không chỉ kích lệ lòng yêu nước của nhiều người, mà còn làm cho diễn đàn văn học một thời nổi sóng với những tranh luận về mối quan hệ giữa tư tưởng chính trị và giá trị nghệ thuật.

Giai đoạn văn học sau 1986, cùng với Nguyên Ngọc trong những ngày đầu đổi mới còn có những nhà văn, nhà thơ gốc Quảng Nam như Thu Bồn, Trinh Đường, Ý Nhi... Đây cũng là một giai đoạn văn học Việt Nam đạt nhiều kỳ tích, nhất là văn xuôi. Về nghiên cứu – phê bình văn học, trường hợp nhà văn Vu Gia cũng khá đặc biệt. Trước đó, ông sáng tác nhiều truyện và viết báo, phê bình – nghiên cứu, nhưng

chỉ đến khi tập trung nghiên cứu về các nhà văn Tự lực văn đoàn quê gốc Quảng Nam của ông như Nhất Linh, Thạch Lam, thì cái tên Vu Gia lập tức gây chú ý. Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu trước đó về các nhà văn và tác phẩm Tự lực văn đoàn, nhưng nguồn tư liệu phong phú, sự hiểu biết và cách tiếp cận, cách cắt nghĩa vấn đề hợp lý của Vu Gia đã thuyết phục người đọc. Cho đến nay, Vu Gia vẫn là nhà nghiên cứu có uy tín về Nhất Linh, Thạch Lam và các tác giả thuộc nhóm Tự lực văn đoàn.

So với các địa phương vùng Nam Trung Bộ nói chung, văn học Quảng Nam mạnh đều cả thơ và văn xuôi suốt cả hai giai đoạn văn học của thế kỷ XX. Trước 1945, Quảng Ngãi có Bích Khê, Nguyễn Vỹ, sau 1945 có Thanh Thảo, Tế Hanh... Tỉnh Bình Định giai đoạn trước 1945 mạnh về thơ, sau 1945, nhất là từ 1954, trên diễn đàn văn xuôi miền Nam nổi tiếng có Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác... Tại Phú Yên, giai đoạn trước 1945 chỉ có một vài tác giả quê gốc Phú Yên góp mặt trong Phong trào Thơ Mới như Đỗ Huy Nhiệm, số còn lại chưa gây được tiếng vang trong cả nước. Sau 1954, Phú Yên có nhiều nhà văn, nhà thơ, tiêu biểu như nhà văn Võ Hồng, nhà thơ Thanh Quế, Nguyễn Mỹ, Liên Nam, Văn Công, Trần Huệ Ân... Tại Khánh Hòa, giai đoạn trước 1975 có Giang Nam, Đào Xuân Quý, Lê Văn Thiện, Trần Vạn Giã... Tại Ninh Thuận, giai đoạn trước 1975, có nhà thơ Nguyễn Đức Sơn rất nổi tiếng (được gọi là một “*quái kiệt*” của thơ ca miền Nam). Ông sinh ra và lớn lên ở Ninh Chữ, Ninh Thuận.

Đi qua thế kỷ XX với rất nhiều cuộc cách mạng văn chương và nhiều biến cố, một số tên tuổi đã không còn sức hấp dẫn như buổi ban đầu, nhưng một số tác giả lại chứng minh được giá trị bền vững qua

đời sống của tác phẩm. Đầu tiên không thể không nhắc đến trường hợp Thạch Lam của nhóm Tự lực văn đoàn. So với Nhất Linh, Khái Hưng trong thập niên 30 thế kỷ trước, tên tuổi Thạch Lam mờ nhạt hơn, nhưng cho đến nay, văn chương của ông vẫn được đánh giá là tiêu biểu của giai đoạn trước 1945. Khuynh hướng hiện thực trữ tình hay kiểu viết vừa chân thực đau xót, vừa mơ mộng trong trẻo của ông luôn có giá trị khơi gợi cảm xúc về tình nhân ái, lòng yêu thương, nỗi trắc ẩn của con người. Ông không tố cáo, phê phán hiện thực gay gắt như các nhà văn Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan... Ông cũng không say sưa đề cao cái đẹp như Nguyễn Tuân. Ông thiên về truyện ngắn, gắn bó với con người và cuộc sống nhưng bằng cái nhìn và sự cảm nhận tinh tế. Thạch Lam đã lập nên một trường phái riêng và lối cuốn theo ông một số cây bút khác có kiểu viết tương tự như Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh... Sau Thạch Lam, có thể xem truyện của Nguyễn Thành Long (như *Lặng lẽ Sa Pa*) là mạch ngầm nối tiếp.

Giai đoạn sau 1954, Võ Quảng cũng là trường hợp tiêu biểu. Khi nói đến văn học thiếu nhi Việt Nam người ta hay nhắc đến Tô Hoài, Phạm Hồ, Vũ Tú Nam, Đoàn Giỏi...; gần đây có Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Ngọc Thuần... Nhưng Võ Quảng chính là một trong những nhà văn Việt Nam đầu tiên xây dựng nền tảng văn học thiếu nhi và nhà xuất bản Kim Đồng. Nhà văn Võ Quảng quê ở Đại Lộc, Quảng Nam, nhưng từ sau khi tập kết ra Bắc, ông mới tập trung sáng tác và chủ yếu viết cho thiếu nhi. Ông là người đầu tiên dịch tác phẩm *Đôn-ki-hô-tê* (*Don Kijote*) của Miguel de Cervantes Saavedra ra tiếng Việt vào năm 1959. Võ Quảng làm thơ, viết văn liên tục và có gần 20 đầu sách được in. Ông có hai tác phẩm làm người đọc nhớ nhiều là

Quê nội và *Tặng sáng*. Nếu cần chọn tác phẩm có nội dung mô tả làng cảnh, con người Quảng Nam sinh động nhất, thì *Quê nội* là ứng viên xứng đáng. Nhiều năm sau đọc lại, người ta không chỉ nhớ đến nhân vật Cù Lao ngộ nghĩnh hay những chuyện vui được kể trong đó, mà từng hương vị, giọng nói, màu sắc đặc trưng xứ Quảng dường như đều đã được nhà văn gửi gắm trong truyện. Đây chính là hồi ức tuổi thơ và tâm tình quê hương của nhà văn. Nhà văn Võ Hồng khi viết tác phẩm *Hoài cố nhân* là một chuyện tình, nhưng đã lồng ghép rất nhiều kỷ niệm tuổi thơ và quê nhà chân thực trong đó, Võ Quảng trong *Quê nội* cũng chan chứa tình yêu quê nhà như vậy. Văn của *Quê nội* hay, nhiều câu, nhiều đoạn trong đó trôi chảy, ứng biến rất linh hoạt. Với hai tập *Quê nội* và *Tặng sáng*, Võ Quảng đã khẳng định vị trí quan trọng của ông trong văn xuôi thiếu nhi Việt Nam. Giai đoạn sau 1975, Nguyễn Nhật Ánh là nhà văn trung thành với đề tài thiếu nhi, nhưng có sự nối tiếp khác biệt.

So với các tỉnh vùng duyên hải Nam Trung Bộ, đóng góp của văn học Quảng Nam là sự đa dạng về đề tài, về thể loại và đối tượng phản ánh. Các nhà văn Quảng Nam không chỉ mạnh về nghiên cứu, lý luận mà còn mạnh về năng lực sáng tác. Nhiều tác phẩm văn học Quảng Nam ra đời thể hiện sự đa dạng cả trong bút pháp lẫn cảm hứng sáng tác, từ các đề tài lịch sử đến các vấn đề của đời thường và cả việc khai thác đề tài tuổi thơ đều thành công.

3. Kết luận

Dù ranh giới hành chính của một tỉnh không trùng với giới hạn vùng văn hóa hay văn học, thì sự khu biệt tương đối về “*Văn học Quảng Nam*” hay văn học địa phương nói chung cũng cần thiết để giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về quá trình phát triển và đặc điểm, diện mạo văn học của địa

phương mình. Điều đó càng quan trọng hơn trong yêu cầu hội nhập mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa riêng như hiện nay. Trong sự đối sánh, liên hệ với các địa phương khác thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Quảng Nam là địa phương có thành tựu văn học nổi trội nhất, phát triển sớm và liên tục tính từ thế kỷ XIX.

Điểm tương đồng lớn nhất của văn học Quảng Nam và văn học vùng duyên hải Nam Trung Bộ là văn học gắn với điều kiện lịch sử, gắn với sứ mệnh mở cõi của dân tộc và khát vọng tự do.

Văn học Quảng Nam thể hiện khí chất của người xứ Quảng là kiên cường và mạnh mẽ. Bắt đầu từ thời kháng Pháp với thơ văn của Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, dòng văn học yêu nước bất khuất luôn như một mạch ngầm kết nối đến Nguyễn Văn Xuân, Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc, Võ Quảng và các nhà văn nhà thơ giai đoạn sau.

Nét riêng của văn học Quảng Nam so với các địa phương khác là vai trò đột phá, kiến tạo mới. Từ thơ ca nặng về thù tạc, ngâm vịnh, các nhà Nho yêu nước xứ Quảng đã cùng với Phan Bội Châu và một số trí thức thời trước làm nên loại thơ ca có giá trị tuyên truyền, kêu gọi lòng yêu nước. Sau này, văn học Cách mạng và phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa cũng lấy tiêu chí này làm nguyên lý sáng tác. Giai đoạn đầu thế kỷ XX, vai trò của Phan Khôi và Nhất Linh là vô cùng quan trọng đối với cuộc Cách mạng hiện đại hóa văn học. Thời kỳ sau 1954, nếu văn học miền Bắc Xã hội chủ nghĩa có Nguyên

Ngọc, Thu Bồn, Võ Quảng... là những người tiên phong, đóng góp nhiều, thì tại vùng đô thị miền Nam, sáng tác của Nguyễn Văn Xuân, Bùi Giáng, Vũ Hạnh... luôn được quan tâm vì tư tưởng và cách thể hiện mới mẻ, độc đáo.

Nếu đánh giá về tác động, ảnh hưởng của văn học Quảng Nam, thì có thể khẳng định Quảng Nam là địa chỉ đỏ của văn học Cách mạng, văn học yêu nước. Nhiều cây bút từ các địa phương khác của cả nước đã có quá trình tô rèn, tích lũy vốn sống và tiếp nhận các vấn đề văn chương, cuộc sống tại đây. Nhiều nhà văn của vùng Nam Trung Bộ đã coi mảnh đất Quảng Nam là nơi bắt đầu sự nghiệp và nuôi dưỡng lòng đam mê sáng tác văn chương của mình.

Tuy nhiên, chất lượng và đổi mới nghệ thuật cũng là áp lực lớn đối với các giai đoạn tiếp theo vì hoạt động văn chương luôn có những cơ chế và nguyên lý phức tạp. Vấn đề quan trọng nhất vẫn là văn học Quảng Nam sẽ sử dụng nguồn tài nguyên giàu có của mình như thế nào để vừa phát huy được thế mạnh của địa phương, vừa kết nối liên thông được với khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước? Đến nay, chiến tranh đã lùi xa hơn 40 năm, nhưng Quảng Nam và miền Trung nói chung vẫn là nơi ly tán, chưa phải là chỗ hội tụ. Phần lớn các nhà thơ, nhà văn quê gốc Quảng Nam hoặc sinh ra tại xứ Quảng, nhưng thành danh ở nơi khác. Vấn đề cội nguồn và môi trường sáng tác vẫn là bài toán thách thức cho đời sống và sự phát triển của văn học? □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thụy Khuê (2004): *Từ điển văn học* (Bộ mới), mục Bùi Giáng; NXB Thế giới, tr.163.
- [2] Bùi Văn Tiêng (2016): Bài tham luận Hội thảo Khoa học “*Văn học dân gian và vấn đề biến đảo*” do Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tổ chức tại Quảng Ngãi vào tháng 7 năm 2016.

- [3] Nguyễn Thị Thu Trang (2004): *Văn học Phú Yên thế kỷ XX*; NXB Văn nghệ TpHCM
[4] *Thơ Bình Định thế kỷ XX* (2003); NXB Văn học.
[5] *Thơ miền Trung thế kỷ XX* (1995); NXB Đà Nẵng.
[6] *Văn xuôi miền Trung thế kỷ XX* -Tập 1 và Tập 2 (1998); NXB Đà Nẵng.

Quang Nam Literature in correlation with that of the Southern Central Region

Nguyen Thi Thu Trang

Phu Yen University

Email: trangdhpy@gmail.com

Received: September 28, 2019; Accepted: February 10, 2020

Abstract

Quang Nam is a province in the Coastal Southern Central Region of Vietnam. In relation to their history, geography and culture, Quang Nam literature has similarities and differences with that of the other localities in the region. This article is a brief overview of the development, achievements and characteristics of Quang Nam literature in correlation with that of the Southern Central Region.

Key words: *Quang Nam literature, South Centre literature, correlation.*